

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **06/2020/HNGĐ-PT**

Ngày: 27-02-2020

V/v “Tranh chấp hôn nhân gia  
đình - ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Ngọc Phượng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hồng Sơn, bà Trần Thị Thúy Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2019/HN-ST ngày: 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị L, sinh năm 1978

Địa chỉ: tổ 10, ấp H, xã H1, huyện P, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Đặng Hồng E, sinh năm 1970.

Địa chỉ: tổ 8, ấp T, xã C, huyện T, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Ngô Thị L – nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung án sơ thẩm

**- Nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:** Do hai bên gia đình là chỗ quen biết nên khi gia đình anh E đến hỏi cưới, gia đình chị đã đồng ý và hai gia đình tổ chức lễ cưới cho anh chị theo phong tục vào ngày 19/6/1995 âm lịch và anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 25/3/1997.

Anh E sống hòa đồng, hiền hòa và thông cảm nên anh chị chung sống hạnh phúc và có với nhau 02 con chung tên Đặng Ngọc B, sinh năm 1996 và Đặng Thị Bích Tiền, sinh ngày 24/11/2003. Tuy nhiên, vào đầu năm 2019, mẹ của chị bị bệnh nặng

nên chị phải quay về chăm sóc; thời gian đầu, anh E cũng thường xuyên thăm mẹ vợ nhưng thời gian gần đây, anh E kêu chị quay về nhà nhưng chị không đồng ý thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, anh E dùng những lời lẽ thậm tệ xúc phạm chị nên anh chị đã sống ly thân hơn 02 tháng nay. Do anh E không đồng ý để chị chung sống cùng mẹ chị để chăm sóc mẹ nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh E.

Về con chung, nếu con chung sinh sống với người nào thì người đó sẽ lo nuôi dưỡng, người còn lại không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng có 40 công đất ruộng (chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) tọa lạc tại xã Tân Tuyến do cha mẹ cho và hiện do anh Em quản lý, 01 căn nhà gỗ có diện tích 58,8 m<sup>2</sup> trên diện tích đất 869,9 m<sup>2</sup>, 01 ghe trọng tải 50 tấn ( đã mất giấy tờ sở hữu) trị giá khoảng 120.000.000 đồng; anh chị không có nợ chung. Anh chị tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

- **Bị đơn, anh Đặng Hồng E trình bày:** Thống nhất với trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung, thừa nhận có những hành vi bạo lực gia đình nhưng không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị L.

**Tại Bản án sơ thẩm số 55/2019/HN-ST ngày: 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị L đối với anh Đặng Hồng E.

- Về con chung: không xem xét.

- Về tài sản chung: không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21-11-2019 bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà được ly hôn ông Đặng Hồng E.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- **Bà L trình bày:** Tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông E hay đánh đập tôi. Thời gian sau này tôi phải ở bên nhà mẹ tôi để chăm sóc mẹ bệnh, ông E không đồng ý và khó khăn với tôi và gia đình tôi. Vợ chồng không thể hàn gắn được, tôi xin được ly hôn với ông E.

- **Ông E trình bày:** Cha mẹ hai bên đều tôn trọng như nhau tôi không có ý kiến, nhưng lo cho mẹ cũng có ngày tháng, còn đằng này bà L đi suốt không về nhà. Thực tế chăm sóc mẹ chỉ là cái cớ để bà L không về nhà nữa, tôi làm ăn thua lỗ, cuộc sống hiện nay khó khăn nên bà L đã có người đàn ông khác. Cấp sơ thẩm tôi không đồng ý ly hôn vì các con muốn có cho có mẹ, nay tại phiên tòa phúc thẩm bà L vẫn cương quyết ly hôn nên tôi đồng ý ly hôn với bà L. Do trước giờ các con đều ở với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung, tài sản chung bà L không có yêu cầu trong vụ án này nên tôi cũng không có ý kiến về không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:** Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của bà Ngô Thị L là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án: Giai đoạn phúc thẩm bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo xin được ly hôn với ông Đặng Hồng E. Tại phiên tòa phúc thẩm ông E đồng ý ly hôn với bà L, ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung và tài sản chung do bà L không yêu cầu trong vụ án này nên ông cũng không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông E yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn bà L cũng đồng ý. Đây là sự thỏa thuận giữa các đương sự tại phiên tòa, cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị L kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà L, thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Ly hôn theo yêu cầu của một bên: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”*

Căn cứ vào quy định trên, thấy mục đích kết hôn nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc. Xuất phát điểm của vợ chồng bà L và ông E cũng thấy được hai bên không phải tự tìm hiểu mà được gia đình mai mối và tiến đến hôn nhân. Nhưng cả hai đã chung sống và vun đắp tình cảm hạnh phúc trên 20 năm, có với nhau 02 con chung. Đầu năm 2019 bắt đầu có mâu thuẫn xảy ra. Ở giai đoạn sơ thẩm, do còn tình cảm với bà L và muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên ông E không đồng ý ly hôn với bà Liễu. Về quan hệ hôn nhân vợ chồng ông E và bà L chưa thật sự có mâu thuẫn trầm trọng để cho ly hôn và các khuyết điểm ông E đã thấy được và hứa khắc phục. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L xin được ly hôn với ông E là có căn cứ.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông E thừa nhận đã có những lúc to tiếng, bạo lực với bà L. Nhưng do bà L không chung thủy nên nay ông đồng ý theo yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông E đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Bà L và ông E thống nhất có hai con chung, cháu Đặng Ngọc B, sinh năm 1996 và cháu Đặng Thị Bích T sinh ngày 24/11/2003. Cháu Đặng Ngọc B đã

trưởng thành và có khả năng lao động. Sau khi ly hôn sẽ giao cháu T cho ông E trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung, tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, được ông E đồng ý và không có ý kiến khác.

Xét thấy, sự thỏa thuận giữa bà L và ông E là tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội và vi phạm điều cấm của pháp luật, nên HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa bà L và ông E như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148, Điều 313; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị L.

Sửa bản án sơ thẩm số 55/2019/HN-ST ngày: 15/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Công nhận sự tự thỏa thuận giữa ông Đặng Hồng E và bà Ngô Thị L.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Đặng Hồng E.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 44 ngày 10-6-2004 do Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh An Giang cấp cho ông Đặng Hồng E và bà Ngô Thị L không còn giá trị pháp lý.

**2.** Về con chung: Ông bà có hai con chung, cháu Đặng Ngọc B, sinh năm 1996 và cháu Đặng Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2003. Cháu Đặng Ngọc B đã trưởng thành và có khả năng lao động. Ông bà thỏa thuận:

Ông Đặng Hồng E được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Đặng Thị Bích T, sinh ngày 24/11/2003.

Bà Ngô Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông Đặng Hồng E không yêu cầu.

Ông Đặng Hồng E phải tạo điều kiện cho bà Ngô Thị L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

**3.** Về nợ chung, tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của bà L và ông E trong thời kỳ hôn nhân thì bà L và ông E phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

#### 4. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012149 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. (Đã nộp xong)

+ Án phí hôn nhân phúc thẩm: Bà Ngô Thị L không phải chịu tiền án phí hôn nhân phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012243 ngày 21/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. T (1)
- THA H H. T (1)
- Tòa GĐ & NCTN (2)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu VP Tòa án tỉnh & Hồ sơ vụ án (1)
- Lưu: Hồ sơ.

*(Đã ký)*

**Lâm Ngọc Phượng**

